BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3028 /QĐ-BYT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

lien_tcds_Vu Thu Lien_29/09/2026 09:28:

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 313/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dân số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ truyền thông về dân số dựa trên môi trường số nhằm chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới từng người dân để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu của Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 60% cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân được tiếp cận thông tin, cập nhật kiến thức về dân số trên nền tảng số.

- 100% xã, phường, đặc khu triển khai Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

- 90% tài liệu, sản phẩm truyền thông về dân số được số hóa và cập nhật trên cơ sở dữ liệu truyền thông số dùng chung.

- 95% cán bộ làm công tác dân số cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực thực hiện truyền thông số, truyền thông xã hội.

- Hằng năm, ít nhất 75% số báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ban, ngành, đoàn thể các cấp được cập nhật, bổ sung nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số; 25% cộng tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố được tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số tại cộng đồng.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng định hướng, chuẩn hóa nội dung truyền thông số, phối hợp liên ngành trong công tác truyền thông về dân số

1.1. Xây dựng hướng dẫn về chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số

Xây dựng và phổ biến hướng dẫn của Bộ Y tế về chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số (trình tự, quy trình và phương thức tổ chức thực hiện).

1.2. Xây dựng bộ tài liệu định hướng truyền thông số trong công tác dân số về các nội dung, chính sách dân số trong tình hình mới

- Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.

- Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân.

- Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số.

- Ưu tiên truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung sau đây:

+ Khuyến khích kết hôn, sinh con để duy trì mức sinh thay thế; giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

+ Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh;

+ Thích ứng với già hóa dân số, chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ;

+ Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh;

+ Thúc đẩy xóa bỏ định kiến giới, nâng cao vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và cộng đồng.

- Đưa nội dung dân số vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học.

1.3. Xây dựng các tài liệu truyền thông số về dân số để phân phối nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng; đảm bảo nội dung ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu, phù hợp từng nhóm đối tượng, đặc biệt là giới trẻ; thu thập phản hồi để điều chỉnh nội dung chuyên biệt cho từng nhóm đối tượng.

- Chú trọng xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông số phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường sản xuất nội dung bằng tiếng dân tộc; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng các sản phẩm truyền thông phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của từng vùng, từng nhóm đối tượng: người chưa thành niên; người trong độ tuổi sinh sản; người cao tuổi; người di cư, người khuyết tật, người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm; người dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc thiểu số rất ít người; người sử dụng lao động.

- Hướng dẫn và phổ biến bộ tài liệu, sản phẩm truyền thông về dân số trên nền tảng số sử dụng thống nhất trên phạm vi cả nước.

1.4. Phối hợp liên ngành, cung cấp thông tin dân số thông qua môi trường số

Sản xuất tin, bài, ảnh và các sản phẩm truyền thông số về dân số định kỳ hằng quý để cung cấp thông tin về dân số và phát triển trên các cổng/trang thông tin điện tử, website, mạng xã hội, ứng dụng di động của các ban, bộ, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội để lan tỏa, nhân rộng các sản phẩm truyền thông về dân số tới đông đảo quần chúng nhân dân.

1.5. Nghiên cứu, khảo sát về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số

- Đánh giá tính hiệu quả của các ứng dụng; khảo sát hành vi tiếp cận phương tiện công nghệ và tỷ lệ người dân sử dụng công nghệ để đánh giá khách quan phát triển phương tiện truyền thông.

- Đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2026-2028 để đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung cho giai đoạn 2029-2030.

- Điều tra kiến thức, thái độ, hành vi (KAP - Knowledge, Attitude, and Practice) về dân số và phát triển vào năm 2030[1].

2. Xây dựng, phát triển thư viện số truyền thông về dân số và giám sát nội dung, đo lường hiệu quả truyền thông về dân số trên nền tảng số

2.1. Xây dựng và phát triển thư viện số truyền thông về dân số

- Thu thập, số hóa, chuẩn hóa, phân loại, gắn nhãn, cập nhật và quản lý tập trung tài nguyên truyền thông từ trung ương đến địa phương.

- Xây dựng danh mục dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu, quy trình tạo lập, quản lý, khai thác, chia sẻ và tái sử dụng các tài liệu, hình ảnh, video, âm thanh, đồ họa, infographic, podcast, TVC, phim ngắn, sản phẩm truyền thông số và các tư liệu truyền thông khác phục vụ công tác dân số.

- Thiết lập quy trình quản lý, cập nhật và khai thác thư viện số truyền thông về dân số.

- Từng bước ứng dụng công nghệ tìm kiếm thông minh, nhận diện nội dung và quản lý tài nguyên số nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sản xuất và tái sử dụng sản phẩm truyền thông.

- Bảo đảm vận hành ổn định thư viện số trên hạ tầng lưu trữ kết hợp giữa hệ thống lưu trữ trực tiếp và lưu trữ đám mây; thực hiện sao lưu, đồng bộ, phục hồi dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

2.2. Xây dựng ứng dụng tư vấn và truyền thông về dân số để tích hợp vào ứng dụng sẵn có của Bộ Y tế và Cục Dân số dành cho cộng tác viên dân số sử dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở. Ứng dụng được thiết kế phù hợp với đặc điểm của đội ngũ cộng tác viên dân số.

2.3. Giám sát nội dung, đo lường hiệu quả truyền thông về dân số trên nền tảng số

- Triển khai hệ thống giám sát thông tin truyền thông về dân số trên internet và mạng xã hội nhằm phát hiện, theo dõi tin giả, tin sai sự thật, thông tin tiêu cực hoặc xuyên tạc về chính sách dân số.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập, tổng hợp và phân tích xu hướng dư luận về công tác dân số.

- Xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu quả truyền thông số phục vụ công tác quản lý, điều hành và ra quyết định.

- Triển khai các hoạt động phản hồi nhanh, lan tỏa thông tin tích cực; từng bước hình thành cơ chế cảnh báo sớm, xử lý thông tin sai lệch và định hướng dư luận xã hội trên môi trường số.

---

[1] Thực hiện lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035

3. Đẩy mạnh truyền thông số đa nền tảng, đa phương tiện trong công tác truyền thông về dân số

3.1. Xây dựng hệ sinh thái truyền thông về dân số

- Xây dựng và phát triển kênh truyền thông của Cục Dân số trên nền tảng số Fanpage Facebook được xác thực tích xanh.

- Tổ chức hoạt động truyền thông số đa nền tảng, đa phương tiện, bảo đảm đồng bộ giữa Trang thông tin điện tử, Facebook, Zalo, YouTube, TikTok và các nền tảng số khác.

3.2. Cung cấp các sản phẩm truyền thông về dân số để phổ biến trên nền tảng số và truyền thông trên mạng xã hội như thông điệp truyền hình (TVC), tọa đàm, phóng sự, phát thanh số (podcast), tư vấn trực tuyến, thông điệp phát thanh (radio spot); infographic, đồ họa chuyển động; livestream; phim/sitcom.

3.3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong sản xuất nội dung truyền thông số phù hợp với từng nhóm đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo nguyên tắc sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm và có sự kiểm soát của con người.

3.4. Tổ chức các cuộc thi sáng tác tranh, kịch bản, ca khúc, thơ ca, hò vè, triển lãm ảnh… về các nội dung của công tác dân số trên Internet

3.5. Phối hợp với các trường trung học, cao đẳng, đại học tổ chức truyền thông về dân số trên nền tảng số; tổ chức đa dạng các cuộc thi; lồng ghép trong bài giảng hoặc ngoại khóa... nhằm khuyến khích học sinh, sinh viên tìm hiểu các thông tin, kiến thức dân số.

Hằng năm, tổ chức chiến dịch truyền thông về dân số trên môi trường số phù hợp nhóm đối tượng, thông điệp và kênh triển khai; phù hợp từng nền tảng và nâng cao tính tương tác với người dân.

3.6. Tăng cường phối hợp với các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo điện tử để tuyên truyền, phổ biến các nội dung số phù hợp với từng nhóm đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số, nhất là người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số và người hạn chế trong tiếp cận công nghệ số, phù hợp với đặc điểm văn hóa, vùng miền nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông. Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức thực hiện chuyên mục, tuyến nội dung và chiến dịch truyền thông về dân số trên nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam.

3.7. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dữ liệu liên quan trong lĩnh vực y tế, đảm bảo an toàn thông tin mạng và bảo mật dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật, nhất là người chưa thành niên và các nhóm dễ bị tổn thương; tối ưu hóa phân nhóm đối tượng truyền thông.

4. Phát triển nguồn lực

4.1. Đầu tư cơ sở vật chất

- Rà soát, đánh giá thực trạng thiết bị truyền thông trong hệ thống dân số các cấp và nhu cầu chuyển đổi số về tài liệu truyền thông về dân số để làm cơ sở đầu tư theo quy định.

- Duy trì và củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập huấn báo cáo viên, giảng viên tuyến tỉnh về chuyển đổi số truyền thông về dân số.

- Tập huấn, hướng dẫn triển khai các hoạt động truyền thông áp dụng chuyển đổi số cho cán bộ dân số và cộng tác viên dân số.

+ Tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông về dân số về kỹ năng truyền thông số; khai thác dữ liệu và sử dụng nền tảng và công cụ số.

+ Tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông về dân số cơ sở và cộng tác viên dân số về kỹ năng sản xuất nội dung số theo hướng đơn giản, thiết thực, dễ áp dụng, phù hợp với năng lực của đội ngũ làm công tác dân số tại thôn, bản, xã, chú trọng ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ sản xuất các sản phẩm truyền thông số.

- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật.

4.3. Bảo đảm nguồn lực tài chính

Huy động đa dạng nguồn lực tài chính:

- Ngân sách nhà nước: kinh phí từ chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án, đề án về dân số.

- Ngân sách xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4.4. Hợp tác quốc tế

Huy động sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các chính phủ, tổ chức quốc tế, đẩy mạnh hợp tác về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo và hợp tác trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước; từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Dự kiến tổng ngân sách thực hiện Đề án là 37.717 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước:

+ Ngân sách Đề án: 22.327 triệu đồng.

+ Ngân sách lồng ghép từ Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035: 15.390 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách hợp pháp khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế

1.1. Cục Dân số: Là cơ quan đầu mối chủ trì tổ chức thực hiện Đề án; chủ trì về nội dung, chuyên môn nghiệp vụ truyền thông dân số; xây dựng tài liệu hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật; phối hợp với Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia và các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ về công nghệ, dữ liệu và nền tảng số thuộc phạm vi Đề án; tổng hợp dự toán ngân sách của các đơn vị triển khai đề án gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế; tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các địa phương trong quá trình triển khai Đề án nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

1.2. Vụ Kế hoạch - Tài chính: Căn cứ dự toán do Cục Dân số đề xuất, tổng hợp chung vào dự toán của Bộ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.3. Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, phối hợp hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới và trí tuệ nhân tạo trong thực hiện Đề án.

1.4. Văn phòng Bộ Y tế: Chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các nội dung, sản phẩm truyền thông số về công tác dân số trên các nền tảng truyền thông y tế và Cổng thông tin của Bộ Y tế.

1.5. Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia: Chủ trì về kỹ thuật, dữ liệu và nền tảng số; phối hợp với Cục Dân số và các đơn vị liên quan xây dựng, triển khai các hệ thống, ứng dụng phục vụ Đề án; hướng dẫn về kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, vận hành, lưu trữ, sao lưu, an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định. Phối hợp xây dựng, vận hành thư viện số truyền thông về dân số; xây dựng, tích hợp ứng dụng tư vấn, truyền thông vào các nền tảng số phù hợp của Bộ Y tế; cung cấp công cụ kỹ thuật phục vụ giám sát, tổng hợp, phân tích dữ liệu và đo lường hiệu quả truyền thông số.

1.6. Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương: Phối hợp với Cục Dân số triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực truyền thông và chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

1.7. Báo Sức khỏe và Đời sống: Phối hợp với Cục Dân số tổ chức tuyên truyền về công tác dân số trên báo điện tử và các nền tảng số của Báo Sức khỏe và Đời sống.

1.8. Các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Y tế: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Cục Dân số tổ chức, triển khai, thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

2. Đề nghị các cơ quan ở Trung ương

2.1. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, vận động về công tác dân số.

2.2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp, hỗ trợ truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trong hệ thống các trường chính trị.

2.3. Bộ Quốc phòng phối hợp, hỗ trợ tổ chức triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, nhất là tại khu vực biên giới, hải đảo.

2.4. Bộ Công an phối hợp, hỗ trợ bảo đảm an toàn, an ninh trên không gian mạng; phối hợp với Bộ Y tế đưa học liệu lên nền tảng "Bình dân học vụ số", chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới người dân để nâng cao nhận thức, hành vi về dân số.

2.5. Bộ Tài chính phối hợp, hỗ trợ cân đối và bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

2.6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp, hỗ trợ tuyên truyền về dân số và phát triển vào các chương trình văn hóa đại chúng.

2.7. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan đẩy mạnh chuyển đổi số công tác dân số và phát triển trong tình hình mới; phối hợp định hướng nghiên cứu, ứng dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác dân số.

2.8. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp, hỗ trợ truyền thông về dân số trên các nền tảng số của ngành giáo dục; lồng ghép nội dung dân số và phát triển trong các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo; phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, cuộc thi, diễn đàn dành cho học sinh, sinh viên trên nền tảng số.

2.9. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam phối hợp, hỗ trợ triển khai các chiến dịch truyền thông trọng điểm về dân số và phát triển; tham gia đặt hàng sản xuất, phân phối các sản phẩm nội dung về công tác

dân số trên đa nền tảng; tư vấn chuyên môn và đánh giá hiệu quả truyền thông trên cơ sở dữ liệu tổng hợp, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2.10. Các bộ, cơ quan ngang bộ và ban ngành liên quan phối hợp, hỗ trợ tổ chức triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

2.11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp, hỗ trợ tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số trên môi trường số.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Phân công trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Đề án; chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu lập kế hoạch, dự toán ngân sách phù hợp với đặc điểm của địa phương để triển khai thực hiện Đề án hiệu quả.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Dân số; Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- Chi cục Dân số các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Bộ Y tế;
- Cổng TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, CDS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên